

Tổng số cổ phần, cổ phiếu:...

Biểu số 102-TTGS

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỞ HỮU CỔ PHẦN, DƯ NỢ CẤP TÍN DỤNG ĐỐI VỚI BAN LÃNH ĐẠO
VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA BAN LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

(Quý.....năm.....)

Đơn vị tính: Số cổ phần, %, Triệu VND

[illegible]

[illegible]

1	Cá nhân C														
		Nguyễn Thị C1													
		Công ty C1													
		...													
	Cộng (Thành viên BĐH và người có liên quan)														
2	...														
	Tổng cộng = (I + II + III)														

1. Đối tượng áp dụng: Các tổ chức tín dụng cổ phần.

2. Yêu cầu số liệu báo cáo: Trụ sở chính tổ chức tín dụng cổ phần tổng hợp số liệu toàn hệ thống gửi NHNN thông qua Cục Công nghệ thông tin.

3. Thời hạn gửi báo cáo: Chậm nhất ngày 25 của tháng đầu quý tiếp theo ngay sau quý báo cáo.

4. Đơn vị nhận và duyệt báo cáo: Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.

5. Hướng dẫn lập báo cáo:

- Cấp tín dụng, dư nợ cấp tín dụng được hiểu theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Thông tư 36/2014/TT-NHNN, Thông tư 19/2017/TT-NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế khác có liên quan (nếu có).

- Thống kê tất cả Ban lãnh đạo là thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Ban điều hành và người có liên quan của Ban lãnh đạo.

- "Người có liên quan": Theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

- Cột (1): Số thứ tự Ban lãnh đạo của tổ chức tín dụng.

- Cột (2): Thống kê tên Ban lãnh đạo của tổ chức tín dụng.

- Cột (3): Thống kê tên người có liên quan của Ban lãnh đạo của tổ chức tín dụng.
- Cột (4): Thống kê số CMND/Hộ chiếu của Ban lãnh đạo tổ chức tín dụng.
- Cột (5): Thống kê Mã số thuế (đối với tổ chức) hoặc số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) của người có liên quan đến lãnh đạo của tổ chức tín dụng.
- Cột (6): Ghi rõ chức vụ (nếu có) của Ban lãnh đạo và người có liên quan tại tổ chức tín dụng báo cáo.
- Cột (7): Ghi rõ mối quan hệ của người có liên quan với Ban lãnh đạo của tổ chức tín dụng.
- Cột (8), (9): Số lượng cổ phần (cột 8); Tỷ lệ (%) sở hữu cổ phần (cột 9) của Ban lãnh đạo và người có liên quan tại tổ chức tín dụng báo cáo (*Lưu ý*: cột (9) không ghi đơn vị %. *Ví dụ*: 7,28% báo cáo 7,28).
- Cột (10) = Cột (11) + Cột (12) + Cột (13) + Cột (14).
- Cột (11), (12), (13), (14): Thống kê số dư nợ cấp tín dụng mà tổ chức tín dụng báo cáo đã cấp cho Ban lãnh đạo và người có liên quan của Ban lãnh đạo dưới các hình thức: cho vay (cột 11), trái phiếu (cột 12), bảo lãnh (cột 13) và hình thức khác (cột 14) (gồm: bao thanh toán, chuyển nhượng giấy tờ có giá...).
- Cột (15): Thống kê tổng nợ xấu cấp tín dụng của Ban lãnh đạo và người có liên quan của Ban lãnh đạo tại tổ chức tín dụng báo cáo.
- Cột (16): Thống kê nợ xấu cho vay của Ban lãnh đạo và người có liên quan của Ban lãnh đạo tại tổ chức tín dụng báo cáo.
- Tại dòng (I), (II), (III) tương ứng với các cột (8), (9), (10), (11), (12), (13), (14), (15), (16) thực hiện cộng theo dòng Cộng (1) + cộng (2) + tương ứng theo các cột (8), (9), (10), (11), (12), (13), (14), (15), (16).

Lưu ý: Đối với phần tỷ lệ sở hữu cổ phần nhỏ nằm trong khoảng từ (0%-1%) yêu cầu TCTD lấy sau số thập phân 3 chữ số sau phần thập phân.